

Số: 2596/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng
Đề án Điều tra, phân loại, thống kê đối tượng tham gia chính sách chi trả
dịch vụ môi trường rừng tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về
chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 của UBND tỉnh về
việc ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng
trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Thông báo số 12/TB-UBND ngày 20/01/2014 của UBND tỉnh về
Kế hoạch điều tra, phân loại, thống kê đối tượng được hưởng chi trả dịch vụ môi
trường rừng trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT và đề nghị của Sở Tài chính tại
Văn bản số 2227/STC-HCSN ngày 17/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng Đề
án Điều tra, phân loại, thống kê đối tượng tham gia chính sách chi trả dịch vụ
môi trường rừng tỉnh Bình Định với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Đề án Điều tra, phân loại, thống kê đối tượng tham gia
chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Địa điểm thực hiện: Huyện Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Hoài Ân, An Lão,
Nước khoáng Long Mỹ Quy Nhơn - tỉnh Bình Định.

3. Quy mô: 65.44,4 ha.

4. Phạm vi điều tra, phân loại thống kê các đối tượng tham gia

a. Giai đoạn 1: 2014 – 2015

Điều tra thống kê, phân loại các đối tượng tham cung ứng DVMTR cho các cơ sở sản xuất thủy điện và cơ sở sản xuất nước khoáng Long Mỹ. Bao gồm:

- *Đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng*: Là các cơ sở sản xuất thủy điện như: Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, nhà máy thủy điện Định Bình, nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 5, nhà máy thủy điện Trà Xom, nhà máy thủy điện sông Ba Hạ, Phú Yên; cơ sở sản xuất nước khoáng Long Mỹ vv...

- *Đối tượng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng*: Là chủ rừng của các khu rừng trong lưu vực hồ chứa nước của các cơ sở sản xuất thủy điện.

Quy mô diện tích rừng và đất lâm nghiệp phải điều tra phân loại, thống kê các đối tượng tham gia chính sách chi trả DVMTR dự kiến là **65.044,4 ha**, gồm:

* *Lưu vực nước khoáng Long Mỹ*: Diện tích 160 ha, thuộc TP Quy Nhơn. Cung ứng DVMTR cho cơ sở sản xuất nước khoáng Life – Công ty Dược và trang thiết bị Y tế Bình Định.

* *Lưu vực hồ thủy điện sông Ba Hạ*: Diện tích 2.418 ha, cung ứng DVMTR cho nhà máy thủy điện sông Ba Hạ, Phú Yên.

* *Lưu vực hồ thủy điện thuộc hệ thống sông Côn*: Diện tích 62.466,4 ha. Bao gồm:

- **Lưu vực thủy điện Định Bình**: Diện tích 62.466,4 ha, cung ứng DVMTR cho Nhà máy Thủy điện Định Bình,

- | | |
|--------------------------|---------------|
| + Thuộc huyện An Lão | : 25.281,7 ha |
| + Thuộc huyện Vĩnh Thạnh | : 35.684,0 ha |
| + Thuộc huyện Hoài Ân | : 1.500,7 ha |

Cùng nằm trong lưu vực thủy điện Định Bình còn có các tiểu lưu vực thủy điện sau:

+ Lưu vực hồ A - thủy điện Vĩnh Sơn: Diện tích 3.162,1 ha, thuộc địa bàn xã Vĩnh Sơn, cung ứng cho nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

+ Lưu vực hồ thủy điện Vĩnh Sơn 5: Diện tích 30.822,6 ha, thuộc địa bàn xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, cung ứng cho nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 5.

+ Lưu vực hồ thủy điện Trà Xom: Diện tích 3.463,8 ha, thuộc địa bàn xã Vĩnh Sơn, cung ứng cho nhà máy thủy điện Trà Xom.

b. Giai đoạn 2: Sau năm 2015

Điều tra thống kê, phân loại các đối tượng tham gia chính sách chi trả DVMTR cho các loại hình dịch vụ phải trả tiền DVMTR là các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch; các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước; các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng; các đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng; dịch vụ cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn và con giống tự nhiên, sử dụng nguồn nước từ rừng cho nuôi trồng thủy sản và các cơ sở sản xuất thủy điện xây dựng mới.

5. Tổng dự toán kinh phí : 794.132.000 đồng.

(Bảy trăm chín mươi tư triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng)

6. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế (kinh phí quy hoạch) chưa phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2014.

7. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định.

8. Đại diện chủ đầu tư: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định.

9. Đơn vị lập Đề án: Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp nông thôn.

10. Thời gian thực hiện: Từ năm 2014.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nội dung có liên quan của Đề án.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, Giám đốc Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp nông thôn Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP; PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (20b).



Trần Thị Thu Hà